

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN PHÚ NHUẬN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 923/2024/DS-ST

Ngày: 28/8/2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Minh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Nguyễn Thị Ngọc Mỹ

2/ Bà Lê Thị Thanh Dung

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Mai Ánh Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận tham gia phiên tòa – Bà Bùi Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên.**

Ngày 28 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số 465/2024/TLST-DS ngày 24/4/2024 của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 228/2024/QĐXXST-DS ngày 10/7/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 139/2024/QĐ-HPT ngày 09/8/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S**

Địa chỉ: **2 N, phường V, Quận C, Tp .**

Đại diện theo uỷ quyền: Ông **Ma Khánh C** (Giấy uỷ quyền số 291/2020/GUQ-CNTB ngày 29/5/2020)

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Ly L**, sinh năm 1986

Địa chỉ: **5 H, Phường A, quận P, Tp .**

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện của Nguyên đơn **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S** và các bản tự khai của ông **Ma Khánh C** là người đại diện theo uỷ quyền trình bày:*

Ngày 09/10/2014, bà **Nguyễn Thị Ly L** ký với **Ngân hàng TMCP S** (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà **L**, Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng cho bà, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà **L** đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 318.388.633 đồng (chưa bao gồm phí và lãi phát sinh). Từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà **L** đã

thanh toán cho Ngân hàng số tiền 328.387.609 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), phần nợ còn lại bà **L** chưa thanh toán. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng Bà **L** vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà **L** vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 05/10/2019 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 3.75%/tháng (là 150% lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại là 2.5%/tháng) (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 28/8/2024, bà **L** còn nợ Ngân hàng các khoản sau: Nợ gốc: 34.673.353 đồng; Lãi quá hạn: 80.639.175 đồng; Tổng cộng : 115.312.528 đồng

Mặc dù Ngân hàng nhiều lần yêu cầu, đồng thời tạo điều kiện về mặt thời gian để bà **L** trả nợ, tuy nhiên bà vẫn không thanh toán khoản nợ vay quá hạn tại Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký. Vì vậy Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà **Nguyễn Thị Ly L** phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 28/8/2024 là 115.312.528 đồng bao gồm nợ gốc 34.673.353 đồng, lãi quá hạn 80.639.175 đồng. Bà **Nguyễn Thị Ly L** có trách nhiệm tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh tính từ ngày 28/8/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà **Nguyễn Thị Ly L**, nhưng bà **L** vắng mặt tại tất cả các giai đoạn tố tụng, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà.

Tại phiên tòa:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn bà **Nguyễn Thị Ly L** vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận tuân theo đúng pháp luật tố tụng về việc xác định quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, tiến hành thu thập chứng cứ. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành theo đúng trình tự tố tụng, các đương sự chấp hành tốt quy định pháp luật về tố tụng. Về nội dung, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### [1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S** khởi kiện buộc bị đơn bà **Nguyễn Thị Ly L** trả tiền vay từ hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng còn thiếu. Xét đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền: Căn cứ kết quả xác minh tại **Công an P, quận P**, bị đơn bà **Nguyễn Thị Ly L** có đăng ký thường trú tại địa chỉ **5 H, Phường A, quận P, Tp .**, hiện đi đâu không rõ. Do đó, địa chỉ thường trú của bà **L** được xác định là nơi cư trú cuối cùng, nên vụ án thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] *Về người tham gia tố tụng*: bị đơn bà Nguyễn Thị Ly L dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”. Bị đơn trong vụ án được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, không gửi văn bản trình bày bất kỳ ý kiến gì liên quan đến quyền, lợi ích của mình trong vụ án này, là đã từ chối quyền trình bày ý kiến về quyền, lợi ích hợp pháp của mình đối với tranh chấp. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo những chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ vụ án.

## [2] *Về nội dung tranh chấp*:

### [2.1] *Xét yêu cầu của nguyên đơn về số nợ gốc, Hội đồng xét xử xét thấy*:

Căn cứ lời trình bày của đại diện nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 09/10/2014 nguyên đơn và bị đơn ký Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Theo đó nguyên đơn đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức là 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng cho bị đơn với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bị đơn đã thực hiện các giao dịch trên thẻ được cấp. Bị đơn đã trả được một phần số tiền nợ nhưng chưa trả hết. Ngày 05/10/2019 nguyên đơn đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bị đơn và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền nợ gốc còn thiếu là 34.673.353 (ba mươi bốn triệu, sáu trăm bảy mươi ba nghìn, ba trăm năm mươi ba) đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

### [2.2] *Xét yêu cầu bị đơn trả tiền lãi quá hạn*:

Ngày 05/10/2019, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng của bị đơn và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 34.673.353 đồng sang nợ quá hạn căn cứ theo quy định tại Điều 23 của Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng đính kèm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng (lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại). Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng quy định “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*” và Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng N quy định: “*Tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận đối với khách hàng*”. Ngoài ra tại khoản 2 Điều 22 của quyết định số 04/VBHN-NHNN của Ngân hàng N ban hành ngày 24/4/2014 đã quy định nghĩa vụ của chủ thẻ như sau: “*Thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho Tổ chức phát hành thẻ các khoản phí, tiền vay và lãi phát sinh từ việc sử dụng thẻ theo đúng thỏa thuận tại hợp đồng sử dụng thẻ*”.

Từ những quy định nêu trên thì việc thỏa thuận lãi suất nợ quá hạn giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật. Do đó nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi quá hạn tính đến ngày 28/8/2024 là 80.639.175 đồng và khoản lãi phát sinh tính từ

ngày 28/8/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng cho đến khi trả hết nợ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về thời hạn thanh toán: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán ngay một lần số nợ trên. Hội đồng xét xử xét thấy: Từ ngày 05/10/2019 bị đơn đã không tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn như thỏa thuận trong Hợp đồng hai bên đã ký, việc này làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán ngay một lần khoản nợ trên là không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Nguyên đơn không phải chịu án phí. H lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 91, điểm e khoản 1 Điều 192, Điều 147, Điều 157, Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91, Điều 95, khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

- Căn cứ khoản 2 Điều 5 và điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019 ngày 11/9/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S:**

1.1 Buộc bà Nguyễn Thị Ly L phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền nợ tính đến ngày 28/8/2024 là 115.312.528 (một trăm mười lăm triệu ba trăm mười hai ngàn năm trăm hai mươi tám) đồng, trong đó: Nợ gốc: 34.673.353 (ba mươi tư triệu sáu trăm bảy mươi ba ngàn ba trăm năm mươi ba) đồng; Lãi quá hạn: 80.639.175 (tám mươi triệu sáu trăm ba mươi chín ngàn một trăm bảy mươi lăm) đồng.

1.2 Bà Nguyễn Thị Ly L có trách nhiệm tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh tính từ ngày 29/8/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 09/10/2014 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng đính kèm giữa Ngân hàng với bà Nguyễn Thị Ly L.

Thanh toán một lần sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

### 2. Về án phí Dân sự sơ thẩm:

- Án phí dân sự sơ thẩm là 5.765.626 (Năm triệu bảy trăm sáu mươi lăm nghìn sáu trăm hai mươi sáu) đồng bà Nguyễn Thị Ly L phải chịu.

- H lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí 1.112.000 (một triệu một trăm mười hai ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0042894 ngày 18/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Tp ..

### 3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

### 4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ; Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

#### Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q.Phú Nhuận;
- CCTHADS Q.Phú Nhuận;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hồ Thị Minh Thúy**